

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỶ HỌP THỨ BA MƯƠI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 19/BC-BKTNS ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

1. Điều chỉnh, bổ sung một số danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, như sau: Điều chỉnh tăng/giảm kế hoạch vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giữa các sở, ban, ngành và địa phương với tổng kế hoạch vốn điều chỉnh là 983.771 triệu đồng, gồm: giảm vốn 41 danh mục dự án và tăng vốn 35 danh mục dự án.

(chi tiết danh mục kèm theo Phụ lục)

2. Các nội dung khác: Thực hiện theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021; Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022; Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023; Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2024; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2024; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2024; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Ba mươi ba thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Đăng công báo tỉnh;
- Trang thông tin điện tử;
- Văn phòng điện tử;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lâm Minh Thành

PHỤ LỤC
DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số: 28/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư / Quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14/11/2021; số 98/NQ-HĐND ngày 26/10/2022; số 135/NQ-HĐND ngày 14/7/2023; số 175/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; số 04/NQ-HĐND ngày 29/4/2024; số 30/NQ-HĐND ngày 22/7/2024; số 41/NQ-HĐND ngày 28/8/2024; số 59/NQ-HĐND ngày 14/11/2024; 19/NQ-HĐND ngày 24/02/2025 của HĐND tỉnh Kiên Giang)					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (sau điều chỉnh)					Chênh lệch		Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ (A+B)				9,148,180	7,850,093	3,600,190	526,809	2,306,171	727,810	39,400	3,600,190	526,809	2,306,171	727,810	39,400	983,771	-983,771	351,131	-
A	VỐN BỔ TRÍ ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM				9,148,180	7,850,093	3,598,850	526,809	2,305,136	727,505	39,400	3,600,190	526,809	2,306,171	727,810	39,400	983,771	-982,431	351,131	-
I	Lĩnh vực nông nghiệp và môi trường				3,097,205	1,908,928	1,503,498	265,307	1,051,555	172,636	14,000	1,151,765	237,916	743,208	156,641	14,000	104,670	-456,403	-	-
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				3,027,417	1,839,140	1,499,743	265,307	1,051,555	172,636	10,245	1,144,640	235,546	742,208	156,641	10,245	101,300	-456,403	-	-
1	Xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện: An Biên-An Minh-U Minh Thượng-Vĩnh Thuận.	Gò Quao, An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận.	2022-2026	số 3358/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; số 912/QĐ-UBND ngày 17/4/2024; số 1979/QĐ-UBND ngày 08/07/2024 của UBND tỉnh;	881,492	448,085	375,809	5,000	370,809	-	-	105,000	5,000	100,000	-	-	-	-270,809	-	-
2	Dự án đầu tư xây dựng 03 cống Đầm Chích, Phú Mỹ, Xẻo Nhau	huyện An Minh, Giang Thành	2023-2026	Số 2636/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	600,000	600,000	500,000	-	424,790	75,210	-	400,000	-	324,790	75,210	-	-	-100,000	-	-
3	Dự án Kê chống sạt lở kết hợp bãi thải nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du	huyện Kiên Hải	2023-2026	Số 2327/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	430,000	430,000	300,000	191,244	15,790	92,966	-	254,244	161,483	15,790	76,971	-	-	-45,756	-	-
4	Dự án kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đại rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau	Tỉnh Kiên Giang	2018-2025	Số 5758/QĐ-BNNPTNT, 29/12/2017; số 2986/QĐ-BNN-HTQT, 05/8/2022; số 3095/QĐ-BNN-HTQT ngày 31/7/2023 của Bộ NN&PTNT; số 2975/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của UBND tỉnh	230,966	57,121	20,000	-	15,540	4,460	-	49,300	-	44,840	4,460	-	29,300	-	-	-
5	Dự án đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	các huyện: An Biên, An Minh, Châu Thành, Kiên Lương.	2019-2025	số 2516/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019; số 2281/QĐ-UBND, 13/9/2022; số 2660/QĐ-UBND, 27/10/2022; 3325/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh;	822,723	241,698	241,698	69,063	162,390	-	10,245	313,698	69,063	234,390	-	10,245	72,000	-	-	-
6	Xây dựng tuyến đường vành đai bao quanh Vườn quốc gia Phú Quốc giai đoạn I	Thành phố Phú Quốc	2024-2026	Số 57/QĐ-BQLKKTQP ngày 12/3/2025 của BQL KKT PQ	62,236	62,236	62,236	-	62,236	-	-	22,398	-	22,398	-	-	-39,838	-	-	-
b	Dự án chuẩn bị đầu tư				69,788	69,788	3,755	-	-	-	3,755	7,125	2,370	1,000	-	3,755	3,370	-	-	-
1	Bố trí chuẩn bị đầu tư - Dự án nước sạch nông thôn gắn với chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	2023-2025	Quyết định số 735/QĐ-SNNPTNT ngày 30/10/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT	3,755	3,755	3,755	-	-	-	3,755	6,125	2,370	-	-	3,755	2,370	-	-	-
2	Dự án Chống ngập và chống hạn vùng đệm U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	huyện U Minh Thượng	2025-2026	Số .../.../2025 của UBND tỉnh	66,033	66,033	-	-	-	-	-	1,000	-	1,000	-	-	1,000	-	-	-
II	Lĩnh vực Xây dựng - giao thông				4,416,465	4,416,465	1,064,702	9,981	909,021	145,700	-	1,704,922	120,302	1,231,817	352,803	-	647,620	-7,400	-	-
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				1,102,960	1,102,960	460,243	9,382	305,161	145,700	-	452,843	8,682	305,161	139,000	-	-	-7,400	-	-
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 61 đoạn Km88+774 (nút giao QL.63 thị trấn Minh Lương, Châu Thành) đến Km96+074 (nút giao Rạch Sỏi, QL.80, thành phố Rạch Giá)	huyện Châu Thành và thành phố Rạch Giá	2019-2023	số 2512/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	150,000	150,000	18,543	900	3,643	14,000	-	17,843	200	3,643	14,000	-	-	-700	-	-



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư /Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14/11/2021; số 98/NQ-HĐND ngày 26/10/2022; số 135/NQ-HĐND ngày 14/7/2023; số 175/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; số 04/NQ-HĐND ngày 29/4/2024; số 30/NQ-HĐND ngày 22/7/2024; số 41/NQ-HĐND ngày 28/8/2024; số 59/NQ-HĐND ngày 14/11/2024; 19/NQ-HĐND ngày 24/02/2025 của HĐND tỉnh Kiên Giang)								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (sau điều chỉnh)				Chênh lệch		Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tăng (+)	Giảm (-)				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó; ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	thành phố Rạch Giá và huyện Hòn Đất	2019-2024	số 2232/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019; số 2499/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019; số 2763/QĐ-UBND, 11/11/2021; số 462/QĐ-UBND, 22/02/2023 của UBND tỉnh;	952,960	952,960	441,700	8,482	301,518	131,700	-	435,000	8,482	301,518	125,000	-	-	-6,700	-	-		
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				3,200,000	3,200,000	602,080	434	601,646	-	-	1,219,555	88,063	917,689	213,803	-	617,475	0	-	-		
1	- Đầu tư xây dựng đường ven biển phía tây đảo Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc	2025-2029	số 384/QĐ-UBND ngày 15/02/2025 của UBND tỉnh	3,200,000	3,200,000	602,080	434	601,646	-	-	1,219,555	88,063	917,689	213,803	-	617,475					
c	Dự án chuẩn bị đầu tư				113,505	113,505	2,379	165	2,214	-	-	32,524	23,557	8,967	-	-	30,145	0	-	-		
1	- Đầu tư xây dựng công trình đường Võ văn Kiệt nối dài (Quốc lộ 61- đường 3/2)	thành phố Rạch Giá - huyện Châu Thành		số 100/QĐ-SGTVT ngày 17/3/2023; số 559/QĐ-SGTVT ngày 09/11/2023; số 144/QĐ-SGTVT ngày 17/2/2025 của Sở Giao thông vận tải;	2,305	2,305	1,665	165	1,500	-	-	2,305	165	2,140	-	-	640					
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu tạo, nâng cấp Đường Nguyễn Trung Trực (từ cầu Rạch Sỏi đến cầu kênh nhánh)	Thành phố Rạch Giá		số 265/QĐ-SGTVT ngày 19/8/2024; số 145/QĐ-SGTVT ngày 17/2/2025 của Sở Giao thông vận tải;	5,000	5,000	348	-	348	-	-	3,257	-	3,257	-	-	2,909					
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu tạo, nâng cấp Đường 3 tháng 2 (từ đường Lê Hồng Phong đến Nguyễn Thái Bình)	Thành phố Rạch Giá		số 26/QĐ-SGTVT ngày 19/8/2024; số 146/QĐ-SGTVT ngày 17/2/2025 của Sở Giao thông vận tải;	5,000	5,000	366	-	366	-	-	3,570	-	3,570	-	-	3,204					
5	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá đô thị Dương Đông	Thành phố Phú Quốc		Số 123/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	2,700	2,700						2,000	2,000				2,000					
6	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá đô thị An Thới	Thành phố Phú Quốc		Số 124/QĐ-SXD và số 125/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	3,000	3,000						2,000	2,000				2,000					
7	Dự án tuyến tàu điện đô thị đoạn 1 (đoạn từ Cảng HK Phú Quốc tới TT hội nghị và tòn Cảng An Thới)	Thành phố Phú Quốc		Số 128/QĐ-SXD và số 129/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	14,000	14,000						2,000	2,000				2,000					
8	Dự án đầu tư đường bộ ven biển phía Đông đảo Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc		Số 126/QĐ-SXD và số 127/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	20,000	20,000						2,000	2,000				2,000					
9	Dự án đường bộ ven biển kết nối cảng An Thới	Thành phố Phú Quốc		Số 130/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	8,000	8,000						2,000	2,000				2,000					
10	Dự án đầu tư xây dựng đại lộ Đông - Tây đảo Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc		Số 120/QĐ-SXD số 121/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	7,000	7,000						2,000	2,000				2,000					
11	Dự án đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ Cửa Lấp - đường Võ Thị Sáu - đường bộ ven biển Tây đảo Phú Quốc)	Thành phố Phú Quốc		Số 118/QĐ-SXD và số 119/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	15,000	15,000						2,000	2,000				2,000					
12	Dự án đường trục Dương Đông đi Bắc đảo (ĐT 975B)	Thành phố Phú Quốc		Số 107/QĐ-SXD số 108/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	7,000	7,000						2,000	2,000				2,000					
13	Dự án đầu tư xây dựng tuyến cảnh quan sông Dương Đông	Thành phố Phú Quốc		Số 109/QĐ-SXD và số 110/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	7,000	7,000						2,000	2,000				2,000					
14	Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 63 (đoạn từ Minh Lương - Tắc Cậu)	huyện Châu Thành		Số 105/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	2,000	2,000						1,392	1,392				1,392					
15	Dự án Đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ ĐT.973 – Cảng hàng không Phú Quốc - ĐT.975 – ĐT.973	Thành phố Phú Quốc		Số 114/QĐ-SXD và số 115/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	8,000	8,000						2,000	2,000				2,000					
16	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường bộ ven biển từ Kiên Lương đi Hà Tiên	Thành phố Rạch Giá		Số 132/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	7,500	7,500						2,000	2,000				2,000					
III	Lĩnh vực y tế				42,570	42,570	42,570	-	-	42,570	-	-	-	-	-	-	-	-42,570	-	-		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư /Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14/11/2021; số 98/NQ-HĐND ngày 26/10/2022; số 135/NQ-HĐND ngày 14/7/2023; số 175/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; số 04/NQ-HĐND ngày 29/4/2024; số 30/NQ-HĐND ngày 22/7/2024; số 41/NQ-HĐND ngày 28/8/2024; số 59/NQ-HĐND ngày 14/11/2024; 19/NQ-HĐND ngày 24/02/2025 của HĐND tỉnh Kiên Giang)					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (sau điều chỉnh)					Chênh lệch		Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung đó:				Tăng (+)	Giảm (-)		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung đó: ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				42,570	42,570	42,570	-	-	42,570	-	-	-	-	-	-	-	-42,570	-	
1	Hệ thống thiết bị chuẩn đoán, điều trị bệnh từ xa (Telemedicine) cho các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế và các xã đảo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	2022-2024	2722/QĐ-UBND, 02/11/2022 của UBND tỉnh,	23,795	23,795	23,795	-	-	23,795	-	-	-	-	-	-	-	-23,795	-	
2	Dự án mua sắm trang thiết bị cho bệnh viện Ung bướu tỉnh và Trung tâm Y học hạt nhân và xạ trị	Thành phố Rạch Giá; Huyện Châu Thành	2023-2025	số 601/QĐ-UBND, 06/3/2023 của UBND tỉnh;	18,775	18,775	18,775	-	-	18,775	-	-	-	-	-	-	-	-18,775	-	
IV	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo				588	588	-	-	-	-	-	500	-	-	500	-	500	0	-	
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				588	588	-	-	-	-	-	500	-	-	500	-	500	0	-	
1	Dự án cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm trang thiết bị trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trục, thành phố Rạch Giá	Thành phố Rạch Giá	2025-2026	Số 212 /QĐ-BQL ngày 16/4/2025 của BQLDA ĐTXD-GT	588	588	-	-	-	-	-	500	-	-	500	-	500	0	-	
V	Lĩnh vực Văn hóa Thể thao				187,000	107,000	90,970	-	3,500	83,570	3,900	81,479	-	3,500	74,079	3,900	-	-9,491	-	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				187,000	107,000	90,970	-	3,500	83,570	3,900	81,479	-	3,500	74,079	3,900	-	-9,491	-	
1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	Thành phố Rạch Giá	2017-2022	số 2283/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 1051/QĐ-UBND, ngày 32/8/2020; 944/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh;	130,000	50,000	35,391	-	-	35,391	-	26,200	-	-	26,200	-	-	-9,191	-	
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	Thành phố Rạch Giá	2019-2024	số 2434/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018; 2707/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh;	57,000	57,000	55,579	-	3,500	48,179	3,900	55,279	-	3,500	47,879	3,900	-	-300	-	
VI	Lĩnh vực khoa học và công nghệ				18,428	18,428	8,999	8,999	-	-	-	2,350	2,350	-	-	-	2,000	-8,649	-	
a	Dự án chuẩn bị đầu tư				18,428	18,428	8,999	8,999	-	-	-	2,350	2,350	-	-	-	2,000	-8,649	-	
1	Dự án: "Đầu tư Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tại các sở, ban ngành tỉnh Kiên Giang và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang"	Tỉnh Kiên Giang	2024-2026	Quyết định số: 2991/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang; Số 87/QĐ-SKHCN ngày 24/4/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ	16,428	16,428	8,999	8,999	-	-	-	350	350	-	-	-	-	-8,649	-	
2	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, chuyển đổi số xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh quản lý toàn diện thành phố Phú Quốc	thành phố Phú Quốc	2025-2027	Số 88/QĐ-SKHCN ngày 24/4/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ	2,000	2,000	-	-	-	-	-	2,000	2,000	-	-	-	2,000	-	-	
VII	Lĩnh vực Tài nguyên				166,058	166,058	64,832	-	64,832	-	-	601	-	601	-	-	-	-64,231	-	
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				166,058	166,058	64,832	-	64,832	-	-	601	-	601	-	-	-	-64,231	-	
1	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2000 và 1:5000 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	2024-2027	số 192/NQ-HĐND ngày 29/4/2024 của HĐND tỉnh Kiên Giang;	144,283	144,283	43,057	-	43,057	-	-	601	-	601	-	-	-	-42,456	-	
2	Dự án "Mua sắm máy móc, trang thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác đo đạc, lập phương án bồi thường; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; phát triển quỹ đất; đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận; vận hành cơ sở dữ liệu đất đai"	Tỉnh Kiên Giang	2024-2025	Quyết định số: 2988/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	21,775	21,775	21,775	-	21,775	-	-	-	-	-	-	-	-	-21,775	-	
VIII	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh				34,990	34,990	14,990	-	14,990	-	-	14,348	-	14,348	-	-	13,657	-14,299	-	
IX	Bộ Chỉ huy Biên Phòng tỉnh				169,494	167,494	169,693	153,272	16,421	-	-	111,585	101,585	10,000	-	-	-	-58,108	-	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư /Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14/11/2021; số 98/NQ-HĐND ngày 26/10/2022; số 135/NQ-HĐND ngày 14/7/2023; số 175/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; số 04/NQ-HĐND ngày 29/4/2024; số 30/NQ-HĐND ngày 22/7/2024; số 41/NQ-HĐND ngày 28/8/2024; số 59/NQ-HĐND ngày 14/11/2024; 19/NQ-HĐND ngày 24/02/2025 của HĐND tỉnh Kiên Giang)					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (sau điều chỉnh)					Chênh lệch		Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tăng (+)	Giảm (-)			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung đó: ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
X	Công an tỉnh				117,400	117,400	62,400	40,400	22,000	-	-	71,341	14,641	56,700	-	-	55,000	-46,059	-		
XI	Văn phòng Tỉnh ủy				311,483	283,673	125,090	30,000	95,090	-	-	65,761	30,000	35,761	-	-	-	-59,329	-		
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				151,293	123,483	64,900	30,000	34,900	-	-	60,000	30,000	30,000	-	-	-	-4,900	-		
1	Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1954-1975) ở huyện U Minh Thượng	Huyện U Minh Thượng	2020-2022	số 723/QĐ-UBND, 20/3/2020, 1721/QĐ-UBND, 12/7/2021 của UBND tỉnh;	151,293	123,483	64,900	30,000	34,900	-	-	60,000	30,000	30,000	-	-	-	-4,900	-		
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				160,190	160,190	60,190	-	60,190	-	-	5,761	-	5,761	-	-	-	-54,429	-		
1	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Bình An, xã chĩa và mua sắm thiết bị hội trường Huyện ủy Kiên Lương, huyện Kiên Lương	Huyện Kiên Lương	2024-2026	Số 2873/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	11,190	11,190	11,190	-	11,190	-	-	5,761	-	5,761	-	-	-	-5,429	-		
2	Dự án đầu tư xây dựng mới và mua sắm trang thiết bị hội trường lớn Tỉnh ủy	Thành phố Rạch Giá	2024-2027	Số 42/NQ-HĐND ngày 28/8/2024 của HĐND tỉnh	149,000	149,000	49,000	-	49,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-49,000	-		
XII	Công trình trọng điểm, có tính chất liên kết vùng, thúc đẩy phát triển Kinh tế - Xã hội; công trình 2016-2020 chuyển tiếp sang 2021-2025 tính hỗ trợ huyện đầu tư.				538,033	538,033	350,760	-	127,727	221,533	1,500	234,127	4,400	164,227	64,000	1,500	95,200	-211,833	234,127		
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				76,500	76,500	54,000	-	25,000	29,000	-	70,500	-	41,500	29,000	-	16,500	0	70,500		
1	Đường Trần Văn Giàu (khu dân cư Nam An Hòa - đường Phan Thị Ràng)	thành phố Rạch Giá	2020-2025	số 2508/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019, số 2462/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh;	76,500	76,500	54,000	-	25,000	29,000	-	70,500	-	41,500	29,000	-	16,500	-	70,500		
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				461,256	461,256	296,510	-	102,727	192,533	1,250	158,977	-	122,727	35,000	1,250	74,300	-211,833	158,977		
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu Ba Hồ xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc, huyện Gò Quao	Huyện Gò Quao	2024-2027	Số 6037/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND huyện Gò Quao	149,723	149,723	103,717	-	102,467	-	1,250	83,717	-	82,467	-	1,250	-20,000	83,717			
2	Đường Liên xã Tân Thuận-Vĩnh Thuận (kênh Láng Thứ Bảy -kênh 3)	Huyện Vĩnh Thuận	2025-2027	Số 1158A/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND huyện Vĩnh Thuận	74,733	74,733	69,733	-	69,733	-	-	-	-	-	-	-	-69,733	-			
3	Đường Liên xã Thị trấn Vĩnh Thuận- Vĩnh Phong (Phạm Thành Lương-kênh Mốt Háng)	Huyện Vĩnh Thuận	2025-2027	Số 1159A/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND huyện Vĩnh Thuận	51,700	51,700	51,700	-	51,700	-	-	-	-	-	-	-	-51,700	-			
4	Đường liên xã Vĩnh Bình Nam-Vĩnh Bình Bắc (Bình Phong -Vĩnh Bình Bắc DH 62)	Huyện Vĩnh Thuận	2025-2027	Số 1160A/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND huyện Vĩnh Thuận	70,400	70,400	70,400	-	70,400	-	-	-	-	-	-	-	-70,400	-			
5	Dự án ĐTXD công trình đường Lâm Quang Ky, huyện Châu Thành	huyện Châu Thành	2024-2026	Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 08/01/2025 của UBND huyện Châu Thành	79,900	79,900	960	-	260	700	-	40,960	-	40,260	700	-	40,000	-	40,960		
6	dự án Kê, Công viên trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Xiển, huyện An Minh	Huyện An Minh	2025-2027	Số 2194/QĐ-UBND ngày 19/4/2025 của UBND huyện An Minh	20,000	20,000	-	-	-	-	-	19,500	-	19,500	-	-	19,500	-	19,500		
7	Dự án Trường trung học cơ sở Minh Lương, huyện Châu Thành;	huyện Châu Thành;	2025-2027	Số 1523/QĐ-UBND ngày 18/4/2025 của UBND huyện Châu Thành	14,800	14,800	-	-	-	-	-	14,800	-	14,800	-	-	14,800	-	14,800		
c	Dự án chuẩn bị đầu tư				277	277	250	-	-	-	250	4,650	4,400	-	-	250	4,400	0	4,650		
1	Bổ trí chuẩn bị đầu tư - Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Thờ 11 - Kim Quy	huyện An Minh	2023-2025	số 5237/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của UBND huyện An Minh;	277	277	250	-	-	-	250	4,650	4,400	-	-	250	4,400	-	4,650		
XIII	Chương trình nước sạch nông thôn và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025		2021-2025	số 542/NQ-HĐND, ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh;	41,496	41,496	41,496	-	-	41,496	-	41,287	-	-	41,287	-	-	-209	-		
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				41,496	41,496	41,496	-	-	41,496	-	41,287	-	-	41,287	-	-	-209	-		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư /Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14/11/2021; số 98/NQ-HĐND ngày 26/10/2022; số 135/NQ-HĐND ngày 14/7/2023; số 175/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; số 04/NQ-HĐND ngày 29/4/2024; số 30/NQ-HĐND ngày 22/7/2024; số 41/NQ-HĐND ngày 28/8/2024; số 59/NQ-HĐND ngày 14/11/2024; 19/NQ-HĐND ngày 24/02/2025 của HĐND tỉnh Kiên Giang)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (sau điều chỉnh)					Chính lịch		Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tăng (+)	Giảm (-)		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tài trợ, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tài trợ, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Thái, huyện An Biên.	Huyện An Biên	2023-2025	2894/QĐ-UBND, ngày 21/11/2023	13,999	13,999	13,999	-	-	13,999	-	13,869	-	-	13,869	-	-	-130		
2	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận	Huyện Vĩnh Thuận	2023-2025	2893/QĐ-UBND, ngày 21/11/2023	12,997	12,997	12,997	-	-	12,997	-	12,921	-	-	12,921	-	-	-76		
3	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Bình Sơn	Huyện Hòn Đất	2021-2025	số 3478/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh	14,500	14,500	14,500	-	-	14,500	-	14,497	-	-	14,497	-	-	-3		
XIV	ĐỐI ỨNG VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (ĐỀ ĐẠT, DUY TRÌ CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI VÀ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH). Trong đó:				-	-	55,000	15,000	-	20,000	20,000	117,004	15,000	46,009	35,995	20,000	62,004	0	117,004	
1	Thành phố Hà Tiên (bổ sung một số danh mục: Nâng cấp, cải tạo đường Mương Đào, đường Văn Tiên Dũng, đường Nam Hồ, đường Mạc Công Nương, đường Phú Dung - Mạc Cửu, đường Rạch U (đoạn Nguyễn Phúc Chu - Phương Thính); Kế chống sạt lở bảo vệ trung tâm đô thị thành phố Hà Tiên; Sửa chữa các điểm trường trên địa bàn thành phố Hà Tiên; Trại đức học xã - nhà lưu niệm Đồng Hồ; Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Hà Tiên; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật quốc lộ 80; Nhà tang lễ thành phố hà Tiên (giai đoạn 2)	Thành phố Hà Tiên					40,000	-	-	20,000	20,000	77,425	-	37,425	20,000	20,000	37,425		77,425	
2	Huyện An Minh (gồm: Trường mầm non Đồng Hưng, Trường mầm non Văn Khánh Đông, Trường mầm non Đồng Hưng B, Trường THCS Đồng Hưng)	Huyện An Minh					-					15,995			15,995		15,995		15,995	
3	Huyện Giang Thành (bổ sung các công trình, gồm: Cầu NT5 (đường kênh Giữa), Cầu cạn đường K1, Đường kênh Thời Trang, Đường số 6, Trường TH Tân Khánh Hòa (Điểm Lò Bơm), Trường THCS Tân Khánh Hòa (Điểm Chính), Trường TH Trần Thệ (Điểm Trần Thệ))	Huyện Giang Thành					15,000	15,000	-	-	-	23,584	15,000	8,584	-	-	8,584		23,584	
XV	CÁC DỰ ÁN LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				6,970	6,970	3,850	3,850	-	-	-	3,120	615	-	2,505	-	3,120	-3,850	-	
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				3,850	3,850	3,850	3,850	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-3,850	-	
1	Dự án cải tạo, sửa chữa Trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2024-2025	Quyết định số: 2985/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	3,850	3,850	3,850	3,850	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-3,850		
b	Dự án chuẩn bị đầu tư				3,120	3,120	-	-	-	-	-	3,120	615	-	2,505	-	3,120	0	-	
1	Dự án Nhà làm việc các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Thành phố Rạch Giá		số 210/QĐ-BQL ngày 15/4/2025 của BQLDA ĐTXD-GT	615	615						615	615				615			
2	ĐTXD Nhà lưu trú cho công nhân	huyện Châu Thành		Số 100/QĐ-BQL ngày 10/3/2025 của BQLDA ĐTXD-GT	1,516	1,516						1,516			1,516		1,516			
3	dự án ĐTXD Kỹ túc xã sinh viên	huyện Châu Thành		Số 94/QĐ-QBL ngày 07/3/2025 của BQLDA ĐTXD-GT	989	989						989			989		989			
B	VỐN CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT						1,340	1,035	305	-	-	-	-	-	-	-	-1,340			

